



www.trithucviet.com.vn

Member of
Allinial
GLOBAL®
An association of legally independent firms

CÔNG TY TNHH TRI THỨC VIỆT

BẢN TIN NGHIỆP VỤ THÁNG 07 NĂM 2026



WWW.TRITHUCVIET.GROUP



INFO@TRITHUCVIET.COM.VN



PHẦN I: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

1. Nghị định 252/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 hướng dẫn Luật Quản lý thuế (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)
2. Nghị định 253/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)
3. Nghị định 255/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 quy định về quản lý thuế đối với các giao dịch liên kết của những doanh nghiệp có quan hệ liên kết (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)
4. Thông tư 90/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 quy định về đăng ký thuế do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)
5. Thông tư 87/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định 253/2026/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)
6. Thông tư 86/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)
7. Thông tư 84/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)

PHẦN II: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

1. Nghị định 254/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 hướng dẫn Luật Quản lý thuế về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)

PHẦN III: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ LAO ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG - BẢO HIỂM

1. Nghị định 283/2026/NĐ-CP ngày 15/07/2026 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Ngày ban hành 15/07/2026; Ngày có hiệu lực 10/09/2026)

PHẦN IV: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP - ĐẦU TƯ

1. Nghị định 274/2026/NĐ-CP ngày 07/07/2026 hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh (Ngày ban hành 07/07/2026; Ngày có hiệu lực 21/08/2026)

2. Nghị định 248/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 hướng dẫn Luật Thương mại điện tử (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)

3. Thông tư 32/2026/TT-NHNN ngày 30/06/2026 quy định về hoạt động cho vay để đầu tư ra nước ngoài của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 18/08/2026)

PHẦN I: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

1. Nghị định 252/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 hướng dẫn Luật Quản lý thuế (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)

-Ngưỡng nợ tiền thuế bị tạm hoãn xuất cảnh

Theo Điều 28.1 của Nghị định 252/2026, việc tạm hoãn xuất cảnh do nợ thuế sẽ được áp dụng trong 5 trường hợp sau:

- (1) Cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh bị cưỡng chế thuế có số tiền thuế nợ từ 50 triệu đồng và quá hạn nộp 120 ngày.
- (2) Chủ sở hữu hưởng lợi hoặc người đại diện pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã bị cưỡng chế thuế có số tiền thuế nợ từ 500 triệu đồng và quá hạn nộp 120 ngày.
- (3) Người nộp thuế bỏ địa chỉ đăng ký, sau 120 ngày không khôi phục hoặc chấm dứt mã số thuế.
- (4) Cá nhân người nước ngoài còn nợ thuế quá hạn khi chưa hoàn thành nghĩa vụ.
- (5) Người Việt Nam xuất cảnh định cư ở nước ngoài còn nợ thuế. Việc tạm hoãn xuất cảnh sẽ được hủy bỏ ngay khi số nợ thuế của người nộp thuế giảm xuống dưới mức ngưỡng quy định (tức 50 triệu đối với cá nhân/hộ kinh doanh, 500 triệu đồng đối với doanh nghiệp/hợp tác xã) thay vì phải nộp toàn bộ số tiền thuế nợ mới được hủy tạm hoãn xuất cảnh như quy định trước đây tại Nghị định 49/2025/NĐ-CP. Đối với người nước ngoài và người Việt Nam xuất cảnh, việc tạm hoãn xuất cảnh được hủy bỏ ngay sau khi xác định người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế hoặc được xóa tiền thuế nợ.

PHẦN I: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

1. Nghị định 252/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 hướng dẫn Luật Quản lý thuế (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)

-Tự động công khai thông tin người nợ thuế khi quá hạn nộp thuế 90 ngày

Theo quy định tại Điều 4.3(c) và 4.5(c) của Nghị định 252/2026, khi quá 90 ngày kể từ thời hạn nộp thuế hoặc hết hạn chấp hành quyết định hành chính về quản lý thuế mà người nộp thuế hoặc người bảo lãnh không tự nguyện chấp hành thì Hệ thống thông tin quản lý thuế sẽ tự động công khai thông tin người nợ thuế theo định kỳ hàng tháng. Các thông tin về định danh cá nhân, thông tin cá nhân và thông tin khác có liên quan của người nộp thuế sẽ được che, ẩn danh để đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn thông tin mạng.

-Chủ quản nền tảng thương mại điện tử phải nộp thuế thay cho người bán

Theo quy định tại Điều 43, 44 và 45.2 của Nghị định 252/2026, chủ quản nền tảng thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán (trong nước và ngoài nước) có trách nhiệm thực hiện khấu trừ, khai thay và nộp thay số thuế đã khấu trừ cho bán hàng trên nền tảng thương mại điện tử của mình như sau:

- Đối với người bán hàng trong nước (hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh)***

→ Thuế giá trị gia tăng: khấu trừ, nộp thay theo từng giao dịch phát sinh doanh thu trong nước của hộ, cá nhân kinh doanh.

→ Thuế thu nhập cá nhân: khấu trừ, nộp thay trên doanh thu trong và ngoài nước của cá nhân cư trú; doanh thu trong nước của cá nhân không cư trú.

- Đối với người bán hàng là nhà cung cấp nước ngoài: khấu trừ, nộp thay thuế giá trị gia tăng và thu nhập doanh nghiệp.***

(Tiếp theo)

PHẦN I: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

1. Nghị định 252/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 hướng dẫn Luật Quản lý thuế (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)

Thời điểm khấu trừ là khi nền tảng thương mại điện tử xác nhận giao dịch thành công và chấp nhận thanh toán. Số thuế được xác định theo tỷ lệ phần trăm thuế suất trên doanh thu phát sinh tại Việt Nam.

Trường hợp không xác định được giao dịch phát sinh doanh thu từ nền tảng thương mại điện tử là hàng hóa hay dịch vụ thì áp dụng mức tỷ lệ thuế suất cao nhất.

Chủ quản nền tảng khai số thuế đã khấu trừ theo tháng, được bù trừ thuế của các giao dịch bị hủy, trả hàng. Nếu người bán đã được nền tảng khấu trừ, nộp thay thì người bán không phải khai nộp lại phần doanh thu đó.

-Thời hạn đăng ký thuế và khai thuế

Điều 6.1 và 6.3 của Nghị định 252/2026 quy định thời hạn đăng ký thuế lần đầu của người nộp thuế thuộc đối tượng đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế là 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ, riêng đăng ký cho người phụ thuộc của cá nhân được gia hạn đến ngày 31/12 của năm tính thuế. Việc đăng ký được thực hiện điện tử hoặc tự động qua liên thông một cửa. Về thời hạn khai thuế, Điều 10 của Nghị định 252/2026 quy định cụ thể như sau:

PHẦN I: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

1. Nghị định 252/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 hướng dẫn Luật Quản lý thuế (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)

Loại khai thuế	Thời hạn nộp hồ sơ
Theo từng lần phát sinh	Chậm nhất ngày thứ 10 kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế.
Theo tháng	Chậm nhất ngày 20 của tháng tiếp theo.
Theo quý	Ngày cuối cùng của tháng đầu của quý tiếp theo.
Theo năm	Ngày cuối cùng của tháng đầu tiên của năm dương lịch tiếp theo hoặc của năm tài chính tiếp theo.
Quyết toán năm	Ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
Cá nhân trực tiếp Quyết toán thu nhập cá nhân	Ngày cuối cùng của tháng thứ 4 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.
Chấm dứt, giải thể, phá sản, chia tách, sáp nhập	Chậm nhất ngày thứ 45 kể từ ngày có quyết định.

(Tiếp theo)

PHẦN I: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

2. Nghị định 253/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)

-Các khoản thu nhập chịu thuế được bổ sung:

- + Thu nhập từ hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số. (Điều 7.6 của Nghị định 253/2026)
- + Thu nhập từ chuyển nhượng tên miền quốc gia “.vn”; chuyển nhượng kết quả giảm phát thải khí nhà kính, tín chỉ carbon; chuyển nhượng biển số xe trúng đấu giá. Các thu nhập này sẽ chịu thuế suất 5% trên giá chuyển nhượng. Trong đó, thu nhập tính thuế là phần thu nhập vượt trên 20 triệu đồng mà người nộp thuế nhận được theo từng lần chuyển nhượng. (Điều 16.1, 16.2, 16.3 và 62.1 của Nghị định 253/2026).
- + Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản số (bao gồm tài sản ảo, tài sản mã hóa và các tài sản số khác theo quy định của pháp luật) sẽ chịu thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng. (Điều 16.4 và 62.2 của Nghị định 253/2026).
- + Tiền thuê nhà do doanh nghiệp trả thay cho người lao động sẽ tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân theo số thực tế chi trả nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế tại đơn vị (không bao gồm tiền thuê nhà). (Điều 8.2(h) của Nghị định 253/2026).

-Các khoản chi cho khám, chữa bệnh, giáo dục và đào tạo sẽ được giảm trừ khi tính thuế TNCN:

Theo quy định tại Điều 49.2 và 49.3 của Nghị định 253/2026, người nộp thuế là cá nhân cư trú được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công cho các khoản chi khám, chữa bệnh tối đa 23 triệu đồng/năm, còn khoản chi cho giáo dục, đào tạo được giảm trừ tối đa 24 triệu đồng/năm. Việc giảm trừ này được áp dụng cho bản thân và người phụ thuộc của người nộp thuế nếu đáp ứng đủ điều kiện về hóa đơn, chứng từ.

(Tiếp theo)

PHẦN I: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

2. Nghị định 253/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)

-Bổ sung một số khoản được miễn thuế, không tính thuế và giảm thuế TNCN:

- Đối với người lao động:***

→ Cá nhân là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân lực công nghệ cao có thu nhập từ dự án, hoạt động theo quy định tại Điều 41 và 42 của Nghị định 253/2026 sẽ miễn thuế 5 năm.

→ Người lao động sẽ không bị tính thuế TNCN đối với phần trợ cấp thôi việc, mất việc vượt mức quy định của pháp luật nếu việc chi trả vượt mức này được doanh nghiệp quy định cụ thể tại quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ hoặc hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động. (Điều 8.3(h) của Nghị định 253/2026)

→ Khoản tiền ăn giữa ca, ăn trưa do người sử dụng lao động chi cho người lao động từ 1,2 triệu đồng/người/tháng trở xuống sẽ không phải chịu thuế TNCN. (Điều 8.2(g) của Nghị định 253/2026).

→ Khoản tiền lương, tiền công mà người lao động được trả cho những ngày không nghỉ phép phù hợp với quy định của pháp luật lao động sẽ được miễn thuế TNCN. (Điều 26.2 của Nghị định 253/2026).

PHẦN I: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

2. Nghị định 253/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)

-Bổ sung một số khoản được miễn thuế, không tính thuế và giảm thuế TNCN:

- Đối với nhà đầu tư:***

→ Thu nhập từ chuyển nhượng lần đầu kết quả giảm phát thải khí nhà kính/tín chỉ các-bon được cấp; tiền lãi trái phiếu xanh; và thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu xanh lần đầu sau phát hành (mua trực tiếp từ tổ chức phát hành) sẽ được miễn thuế. (Điều 34 của Nghị định 253/2026).

→ Miễn thuế thu nhập từ đầu tư vốn của nhà đầu tư cá nhân vào dự án khởi nghiệp sáng tạo, sáng lập viên doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, và nhà đầu tư cá nhân góp vốn vào quỹ đầu tư mạo hiểm. (Điều 37 của Nghị định 253/2026).

→ Nhà đầu tư được miễn thuế TNCN với thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ quỹ mở nếu tại thời điểm bán, nhà đầu tư đã nắm giữ đủ từ 02 năm trở lên kể từ ngày mua (kể cả chứng chỉ quỹ mua trước ngày 01/7/2026 nhưng bán từ ngày 01/7/2026). (Điều 43 của Nghị định 253/2026).

→ Khoản lợi tức mà nhà đầu tư được chia từ quỹ đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư bất động sản sẽ được giảm 50% thuế TNCN trong 05 năm kể từ ngày 01/7/2026 đến hết ngày 30/6/2031. (Điều 44 của Nghị định 253/2026).

PHẦN I: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

2. Nghị định 253/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)

-Nâng ngưỡng khấu trừ thuế 10% đối với thu nhập vãng lai:

Điều 50.2 của Nghị định 253/2026 đã điều chỉnh tăng mức thu nhập từ tiền lương, tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác để làm căn cứ khấu trừ thuế TNCN 10% từ 02 triệu đồng/lần lên 05 triệu đồng/lần đối với cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động hoặc ký hợp đồng lao động dưới 03 tháng (kể cả trường hợp trả cho người lao động đã chấm dứt hợp đồng lao động). Trường hợp ước tính tổng mức thu nhập chịu thuế của cá nhân sau khi giảm trừ gia cảnh chưa đến mức phải nộp thuế, cá nhân có thể làm cam kết gửi tổ chức trả thu nhập để tạm thời không bị khấu trừ.

PHẦN I: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

3. Nghị định 255/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 quy định về quản lý thuế đối với các giao dịch liên kết của những doanh nghiệp có quan hệ liên kết (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)

Phương pháp so sánh giá giao dịch liên kết với giá giao dịch độc lập từ kỳ tính thuế TNDN 2026 như sau:

- Các trường hợp áp dụng phương pháp so sánh giá giao dịch liên kết với giá giao dịch độc lập (sau đây viết tắt là phương pháp so sánh giá giao dịch độc lập)

Người nộp thuế thực hiện giao dịch liên kết đối với từng chủng loại hàng hóa, tài sản hữu hình, loại hình dịch vụ có điều kiện giao dịch, lưu thông phổ biến trên thị trường hoặc có giá được công bố trên các sàn giao dịch hàng hóa, dịch vụ trong nước và quốc tế; giao dịch thanh toán phí bản quyền khi khai thác tài sản vô hình; thanh toán lãi vay trong hoạt động vay và cho vay; hoặc người nộp thuế thực hiện cả giao dịch độc lập và giao dịch liên kết đối với sản phẩm tương đồng về đặc tính sản phẩm và điều kiện hợp đồng.

PHẦN I: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

3. Nghị định 255/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 quy định về quản lý thuế đối với các giao dịch liên kết của những doanh nghiệp có quan hệ liên kết (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)

- Nguyên tắc áp dụng:

+ Phương pháp so sánh giá giao dịch độc lập được thực hiện trên nguyên tắc không có khác biệt về đặc tính sản phẩm và điều kiện hợp đồng khi so sánh giá giao dịch độc lập và giá giao dịch liên kết có ảnh hưởng trọng yếu đến giá sản phẩm. Trường hợp có các khác biệt ảnh hưởng trọng yếu đến giá sản phẩm, phải loại trừ các khác biệt trọng yếu này;

+ Các yếu tố đặc tính sản phẩm và điều kiện hợp đồng có tác động trọng yếu đến giá sản phẩm, bao gồm: Đặc tính, chất lượng, thương hiệu, nhãn hiệu thương mại của sản phẩm và quy mô, khối lượng giao dịch; các điều kiện hợp đồng cung cấp, chuyển giao sản phẩm; khối lượng, thời hạn chuyển giao, thời hạn thanh toán và các điều kiện khác của hợp đồng; quyền phân phối, tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, tài sản có ảnh hưởng đến giá trị kinh tế và thị trường nơi diễn ra giao dịch và các yếu tố khác tác động đến giá sản phẩm như điều kiện kinh tế và chức năng hoạt động của người nộp thuế.

(Tiếp theo)

PHẦN I: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

3. Nghị định 255/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 quy định về quản lý thuế đối với các giao dịch liên kết của những doanh nghiệp có quan hệ liên kết (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)

- Phương pháp xác định:

+ Giá sản phẩm trong giao dịch liên kết được điều chỉnh theo giá sản phẩm trong giao dịch độc lập hoặc giá trị thuộc khoảng giá trị giao dịch độc lập chuẩn của các đối tượng so sánh độc lập theo quy định tại Nghị định 255/2026/NĐ-CP;

+ Trường hợp giá sản phẩm được công bố trên các sàn giao dịch hàng hóa, dịch vụ trong nước và quốc tế, giá sản phẩm trong giao dịch liên kết được xác định theo giá sản phẩm được công bố có thời điểm và các điều kiện giao dịch tương đồng;

+ Người nộp thuế mua máy móc, thiết bị từ bên liên kết ở nước ngoài phải có tài liệu, chứng từ chứng minh giá mua máy móc, thiết bị tuân theo nguyên tắc giao dịch độc lập tại thời điểm mua: Đối với máy móc, thiết bị mới, giá so sánh là giá hóa đơn bên liên kết mua máy móc, thiết bị đó từ bên độc lập; đối với máy móc, thiết bị đã qua sử dụng, phải có hóa đơn, chứng từ gốc tại thời điểm mua, khi đó giá trị tài sản được xác định lại theo quy định hiện hành của pháp luật về hướng dẫn quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

- Kết quả xác định giá giao dịch liên kết là giá tính thuế để kê khai, xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp nhưng không làm giảm nghĩa vụ thuế phải nộp ngân sách nhà nước của người nộp thuế.

(Tiếp theo)

PHẦN I: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

4. Thông tư 90/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 quy định về đăng ký thuế do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)

21 mẫu biểu đăng ký thuế của người nộp thuế

Theo Thông tư 90/2026, có 21 mẫu biểu đăng ký thuế của người nộp thuế gồm:

Mẫu số 01-ĐKT: Tờ khai đăng ký thuế (Dùng cho tổ chức thuộc trường hợp cấp mã số thuế 10 chữ số)

Mẫu số 02-ĐKT: Tờ khai đăng ký thuế (Dùng cho đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh, tổ chức khác trực tiếp phát sinh nghĩa vụ thuế thuộc trường hợp cấp mã số thuế 13 chữ số)

Mẫu số 03-ĐKT: Tờ khai đăng ký thuế (Dùng cho hộ gia đình, cá nhân kinh doanh)

Mẫu số 04-ĐKT: Tờ khai đăng ký thuế (Dùng cho các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài/ban điều hành liên danh)

Mẫu số 04.1-ĐKT: Tờ khai đăng ký thuế (Dùng cho tổ chức, cá nhân khấu trừ, nộp thay thuế)

Mẫu số 04.4-ĐKT: Tờ khai đăng ký thuế (Dùng cho tổ chức ủy nhiệm thu)

Mẫu số BK01-ĐKT: Bảng kê các công ty con, công ty thành viên

Mẫu số BK02-ĐKT: Bảng kê các đơn vị phụ thuộc

Mẫu số BK03-ĐKT: Bảng kê địa điểm kinh doanh

Mẫu số BK04-ĐKT: Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài

Mẫu số BK04.1-ĐKT: Bảng kê các hợp đồng nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế thông qua bên Việt Nam

(Tiếp theo)

PHẦN I: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

4. Thông tư 90/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 quy định về đăng ký thuế do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)

Mẫu số BK05-ĐKT: Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí

Mẫu số BK06-ĐKT: Bảng kê góp vốn của tổ chức, cá nhân

Mẫu số BK07-ĐKT: Bảng kê Chủ sở hữu pháp lý, chủ sở hữu hưởng lợi của công ty nước ngoài có chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam

Mẫu số 05-ĐKT: Tờ khai đăng ký thuế (Dùng cho cá nhân không kinh doanh trực tiếp đăng ký thuế)

Mẫu số 05-ĐKT-TH: Tờ khai đăng ký thuế tổng hợp của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công (Dùng cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký cho cá nhân có uỷ quyền)

Mẫu số 07/XN-NPT-TNCN: Bảng kê khai về người phải trực tiếp nuôi dưỡng

Mẫu số 20-ĐKT: Tờ khai đăng ký thuế (Dùng cho cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp đăng ký thuế, thay đổi thông tin người phụ thuộc)

Mẫu số 20-ĐKT-TH: Tờ khai đăng ký thuế tổng hợp người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công (Dùng cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký, thay đổi thông tin cho người phụ thuộc có uỷ quyền)

Mẫu số 06-ĐKT: Tờ khai đăng ký thuế (Dùng cho các cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế)

Mẫu số 01/NCCNN: Tờ khai đăng ký thuế (Dành cho nhà cung cấp nước ngoài có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử và các dịch vụ khác tại Việt Nam đăng ký qua Hệ thống thông tin quản lý thuế của Cục Thuế Việt Nam)

(Tiếp theo)

PHẦN I: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

5. Thông tư 87/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định 253/2026/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)

Hồ sơ xác định người phụ thuộc là con của người nộp thuế từ 1/7/2026

(i) Đối với con đẻ: bản chụp Giấy khai sinh của con hoặc bản chụp Quyết định việc nhận cha, mẹ, con hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận mối quan hệ cha, mẹ với con và bản chụp thẻ Căn cước của con trong trường hợp đã được cấp Căn cước;

(ii) Đối với con nuôi: bản chụp Giấy khai sinh của con; bản chụp thẻ Căn cước của con trong trường hợp đã được cấp Căn cước và bản chụp Quyết định công nhận/Giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

(iii) Đối với con riêng của vợ hoặc con riêng của chồng: bản chụp Giấy khai sinh của con; bản chụp thẻ Căn cước của con trong trường hợp đã được cấp Căn cước và bản chụp Giấy chứng nhận kết hôn của người nộp thuế hoặc các giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền cấp để chứng minh mối quan hệ với con riêng của vợ hoặc con riêng của chồng;

(iv) Đối với con từ đủ 18 tuổi trở lên là người mất năng lực hành vi dân sự, người khuyết tật thì ngoài các hồ sơ chứng minh mối quan hệ là con tương ứng với các trường hợp quy định tại (i) (ii) và (iii), hồ sơ xác định người phụ thuộc cần có thêm bản chụp Giấy xác nhận mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật hoặc bản chụp Giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật;

(v) Đối với con đang học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp hoặc học nghề, kể cả con từ đủ 18 tuổi trở lên đang học bậc học phổ thông (tính cả trong thời gian chờ kết quả thi từ tháng 6 đến tháng 9 năm lớp 12) thì ngoài các hồ sơ chứng minh mối quan hệ là con tương ứng với các trường hợp quy định tại (i) (ii) và (iii), hồ sơ xác định người phụ thuộc cần có thêm bản chụp thẻ sinh viên hoặc bản khai có xác nhận của nhà trường hoặc giấy tờ khác chứng minh đang học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trung học phổ thông hoặc học nghề.

(Tiếp theo)

PHẦN I: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

6. Thông tư 86/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)

***Thời gian hạn mức nộp dần tiền thuế nợ đối với hàng hóa xuất nhập khẩu được quy định thế nào?
Thông tư 86/2026/TT-BTC quy định như thế nào về thời gian hạn mức nộp dần tiền thuế nợ đối với hàng hóa xuất nhập khẩu?***

Ngày 30/6/2026, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư 86/2026/TT-BTC quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Theo đó, người nộp thuế có nợ tiền thuế thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 65 Nghị định 252/2026/NĐ-CP thì được phép đăng ký nộp dần tiền thuế nợ và cam kết nộp dần theo các hạn mức sau:

- Từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng: Thời gian nộp dần tối đa không quá 03 tháng.
- Từ 01 tỷ đồng đến dưới 02 tỷ đồng: Thời gian nộp dần tối đa không quá 06 tháng.
- Từ 02 tỷ đồng trở lên: Thời gian nộp dần tối đa không quá 12 tháng.

Thời gian nộp dần nêu trên được tính từ ngày cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản chấp thuận và phải nằm trong thời hạn hiệu lực của thư bảo lãnh.

Trong trường hợp đã hết thời hạn nộp dần nhưng người nộp thuế vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ (bao gồm tiền thuế nợ và tiền chậm nộp phát sinh nếu có), tổ chức tín dụng đứng ra bảo lãnh có trách nhiệm nộp thay toàn bộ số tiền này cho người nộp thuế theo đúng quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 65 Nghị định 252/2026/NĐ-CP.

(Tiếp theo)

PHẦN I: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

6. Thông tư 86/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)

Hồ sơ đề nghị nộp dân tiền thuế nợ gồm:

- Công văn đề nghị nộp dân tiền thuế nợ của người nộp thuế theo Mẫu số 17 tại Phụ lục II hoặc theo Mẫu số 47 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 86/2026/TT-BTC ;
- Thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng đối với số tiền thuế nợ đề nghị nộp dân. Trường hợp bảo lãnh điện tử thì người nộp thuế không phải nộp chứng từ thư bảo lãnh này.

Thời hạn giải quyết (kể từ khi nhận đủ hồ sơ)

- 01 ngày làm việc: Đối với hồ sơ do các Đội thuộc Chi cục giải quyết.
- 02 ngày làm việc: Đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực hoặc các đơn vị chuyên trách thuộc Cục.
- 03 ngày làm việc: Đối với hồ sơ thuộc thẩm quyền của Cục trưởng Cục Hải quan.

PHẦN I: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

7. Thông tư 84/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)

***Hoàn thuế GTGT với hàng hóa của người nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh ra sao?
Thông tư 84/2026/TT-BTC quy định về hoàn thuế GTGT với hàng hóa của người nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh ra sao?***

Ngày 30/06/2026, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư 84/2026/TT-BTC quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh.

Thông tư 84/2026/TT-BTC quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị định 252/2026/NĐ-CP bao gồm:

- Tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục lựa chọn, điều chỉnh, chấm dứt doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng.
- Tiêu chuẩn, thủ tục lựa chọn, chấm dứt ngân hàng thương mại làm đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng; lựa chọn, tạm dừng, chấm dứt áp dụng hoàn thuế giá trị gia tăng tại cảng hàng không quốc tế, cảng biển quốc tế.
- Quy định việc truy cập, trao đổi và kết nối thông tin trên Hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài.
- Quy định địa điểm kiểm tra hàng hóa, kiểm tra hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế và địa điểm trả tiền hoàn thuế giá trị gia tăng.
- Quy định trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong việc thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng.

(Tiếp theo)

PHẦN I: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ THUẾ

7. Thông tư 84/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)

Tại Điều 4 Thông tư 84/2026/TT-BTC quy định quyền, nghĩa vụ của người nước ngoài khi mua hàng hóa tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh như sau:

- (1) Được hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa đáp ứng quy định tại khoản 1 Phụ lục IV Nghị định 181/2025/NĐ-CP và mang hàng hóa đó xuất cảnh ra khỏi Việt Nam.
- (2) Được hướng dẫn, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan để thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi về thuế.
- (3) Có trách nhiệm kiểm tra các thông tin ghi trên hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế do doanh nghiệp bán hàng lập khi mua hàng.
- (4) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp, trung thực của hộ chiếu, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế xuất trình cho doanh nghiệp bán hàng khi mua hàng; hộ chiếu, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, hàng hóa, hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế xuất trình cho cơ quan hải quan và hồ sơ xuất trình cho ngân hàng thương mại làm đại lý hoàn thuế khi xuất cảnh.
- (5) Nộp hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế và xuất trình hàng hóa chậm nhất 30 phút để cơ quan hải quan kiểm tra trước khi tàu bay, tàu biển khởi hành.
- (6) Khiếu nại, khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình; tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật của công chức hải quan, công chức thuế và tổ chức, cá nhân khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

(Tiếp theo)

PHẦN II: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

1. Nghị định 254/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 hướng dẫn Luật Quản lý thuế về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)

-Mở rộng đối tượng sử dụng HĐĐT từ máy tính tiền:

So với quy định trước đây, Điều 6.1(c) của Nghị định 254/2026 đã bổ sung thêm một số nhóm ngành bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng phải sử dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền, bao gồm: trung tâm thương mại; siêu thị; bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); ăn uống; nhà hàng; khách sạn; dịch vụ vận tải hành khách, dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, dịch vụ nghệ thuật, vui chơi, giải trí, hoạt động chiếu phim, dịch vụ phục vụ cá nhân khác theo quy định về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, nếu tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký sử dụng HĐĐT thì không bắt buộc đăng ký sử dụng HĐĐT từ máy tính tiền.

-Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có thu nhập từ cho thuê bất động sản không bắt buộc lập HĐĐT:

Điều 7 của Nghị định 254/2026 đã bổ sung nhiều trường hợp mà hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải sử dụng HĐĐT như: thu nhập từ cung cấp sản phẩm, dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài; làm đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, đại lý bán hàng đa cấp mà doanh nghiệp xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp đã khấu trừ thuế theo quy định pháp luật quản lý thuế. Trong đó, đáng chú ý nhất là thu nhập từ hoạt động cho thuê bất động sản không bắt buộc phải xuất HĐĐT.

PHẦN II: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

1. Nghị định 254/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 hướng dẫn Luật Quản lý thuế về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)

-HDDT của giao dịch phát sinh vào ban đêm có thể được lập vào ngày làm việc tiếp theo:

Theo quy định tại Điều 9.5 của Nghị định 254/2026, trường hợp giao dịch phát sinh trong thời gian làm việc ban đêm theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019 (tức từ 22 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau), nhưng người bán không có phần mềm lập hóa đơn tự động thì thời điểm lập hóa đơn chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo.

-Không bắt buộc lập hóa đơn tại thời điểm nhận tiền đặt cọc để thực hiện hợp đồng dịch vụ:

Theo Điều 9.2 của Nghị định 254/2026, khi cung cấp dịch vụ, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ (kể cả cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân nước ngoài) không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền, hoặc tại thời điểm thu tiền nếu thu trước hoặc trong quá trình cung cấp dịch vụ. Tuy nhiên, khoản tiền đặt cọc để bảo đảm giao kết hoặc thực hiện hợp đồng dịch vụ theo quy định của Bộ luật Dân sự sẽ không phải lập hóa đơn tại thời điểm nhận tiền.

-Lập hóa đơn đối với trường hợp người mua không cung cấp thông tin:

Theo Phụ lục của Nghị định 254/2026, trường hợp người mua không cung cấp tên, địa chỉ và số định danh cá nhân khi mua hàng hóa, dịch vụ, thì khi lập hóa đơn, người bán không được để trống thông tin người mua mà phải ghi rõ trên hóa đơn là "Bán cho người tiêu dùng". Tuy nhiên, hóa đơn không có thông tin người mua hoặc hóa đơn ghi "Bán cho người tiêu dùng" sẽ không có giá trị để tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoặc cá nhân kinh doanh sử dụng làm căn cứ hạch toán chi phí hoặc quyết toán thuế.

(Tiếp theo)

PHẦN II: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

1. Nghị định 254/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 hướng dẫn Luật Quản lý thuế về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)

-Người tố giác hành vi không xuất HĐĐT của người bán sẽ được thưởng đến 10 triệu đồng:

Theo quy định tại Điều 41 của Nghị định 254/2026, khi người tiêu dùng tố giác người bán không lập và giao HĐĐT khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ với thông tin chính xác, đúng thực tế và cơ quan thuế đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn đối với người bán trên cơ sở tố giác này, thì người tố giác sẽ có thể được khen thưởng với mức thưởng tối đa bằng 10% số tiền xử phạt vi phạm hành chính hoặc tối đa 10 triệu đồng chỗ 01 vụ việc.

-Hóa đơn đặt in của cơ quan thuế sẽ hết giá trị sử dụng từ ngày 01/7/2026:

Theo quy định Điều 44.3 của Nghị định 254/2026, kể từ ngày 01/7/2026, toàn bộ hóa đơn đặt in của cơ quan thuế sẽ hết giá trị sử dụng. Nếu chưa sử dụng hết số hóa đơn đặt in này thì cơ quan thuế, tổ chức kinh tế, tổ chức, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh phải tiêu hủy hóa đơn theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ Tài chính.

PHẦN III: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ LAO ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG – BẢO HIỂM

1. Nghị định 283/2026/NĐ-CP ngày 15/07/2026 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Ngày ban hành 15/07/2026; Ngày có hiệu lực 10/09/2026)

Ngày 15/07/2026, Chính phủ ban hành Nghị định 283/2026/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Theo đó, Nghị định 283/2026/NĐ-CP quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả trong các lĩnh vực sau đây:

- Lao động, bao gồm: việc làm, tuyển dụng và quản lý lao động; điều kiện lao động và quan hệ lao động; an toàn, vệ sinh lao động; tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở;
- Bảo hiểm xã hội;
- Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Đơn cử, tại Điều 11 Nghị định 283/2026/NĐ-CP quy định mức phạt vi phạm quy định về tuyển dụng, quản lý lao động như sau:

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động có một trong các hành vi sau đây:
 - + Không khai trình việc sử dụng lao động theo quy định;
 - + Thu tiền của người lao động tham gia tuyển dụng lao động;
 - + Không thể hiện, nhập đầy đủ thông tin về người lao động vào sổ quản lý lao động kể từ ngày người lao động bắt đầu làm việc;
 - + Không xuất trình sổ quản lý lao động khi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

(Tiếp theo)

PHẦN III: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ LAO ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG – BẢO HIỂM

1. Nghị định 283/2026/NĐ-CP ngày 15/07/2026 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Ngày ban hành 15/07/2026; Ngày có hiệu lực 10/09/2026)

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:
 - + Phân biệt đối xử trong lao động trừ các hành vi phân biệt đối xử quy định tại khoản 1 Điều 10, điểm d khoản 1 Điều 19, khoản 2 Điều 34, khoản 1 Điều 40 và điểm a khoản 2 Điều 41 Nghị định 283/2026/NĐ-CP ;
 - + Sử dụng lao động chưa qua đào tạo hoặc chưa có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đối với nghề, công việc phải sử dụng lao động đã được đào tạo hoặc phải có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;
 - + Không báo cáo tình hình thay đổi về lao động theo quy định;
 - + Không lập sổ quản lý lao động hoặc lập sổ quản lý lao động không đúng thời hạn hoặc không đảm bảo các nội dung cơ bản theo quy định pháp luật.
 - Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với một trong các hành vi: lôi kéo; dụ dỗ; hứa hẹn; quảng cáo gian dối hoặc thủ đoạn khác để lừa gạt người lao động hoặc để tuyển dụng người lao động với mục đích bóc lột, cưỡng bức lao động nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.
 - Biện pháp khắc phục hậu quả
- Buộc người sử dụng lao động trả lại cho người lao động khoản tiền đã thu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định 283/2026/NĐ-CP.

PHẦN IV: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP - ĐẦU TƯ

1. Nghị định 274/2026/NĐ-CP ngày 07/07/2026 hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh (Ngày ban hành 07/07/2026; Ngày có hiệu lực 21/08/2026)

Đối tượng hưởng ưu đãi khi lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh
Ngày 07/07/2026, Chính phủ ban hành Nghị định 274/2026/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh.

Theo đó, đối tượng được hưởng ưu đãi và mức ưu đãi được quy định như sau:

- Nhà đầu tư có giải pháp ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường đối với dự án thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được hưởng mức ưu đãi 5% khi đánh giá hồ sơ dự thầu.
- Nhà đầu tư cam kết chuyển giao công nghệ, thực hiện hoạt động công nghệ cao đối với các công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của pháp luật về công nghệ cao hoặc thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ hoặc thuộc danh mục công nghệ chiến lược theo quy định của pháp luật về công nghệ cao được hưởng mức ưu đãi 2% khi đánh giá hồ sơ dự thầu.

(Tiếp theo)

PHẦN IV: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP - ĐẦU TƯ

1. Nghị định 274/2026/NĐ-CP ngày 07/07/2026 hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh (Ngày ban hành 07/07/2026; Ngày có hiệu lực 21/08/2026)

- Nhà đầu tư là doanh nghiệp khoa học và công nghệ; doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được cơ quan có thẩm quyền công nhận; trung tâm đổi mới sáng tạo; doanh nghiệp công nghệ chiến lược, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao được hưởng mức ưu đãi 5% khi đánh giá hồ sơ dự thầu;

- Nhà đầu tư nước ngoài có cam kết chuyển giao công nghệ cho nhà đầu tư, đối tác trong nước được hưởng mức ưu đãi 2% khi đánh giá hồ sơ dự thầu.

Khi tham dự thầu, nhà đầu tư phải nộp các tài liệu chứng minh giải pháp ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất, quyền sử dụng hợp pháp công nghệ theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, chuyển giao công nghệ, bảo vệ môi trường, pháp luật khác có liên quan để được hưởng ưu đãi quy định trên.

PHẦN IV: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP - ĐẦU TƯ

2. Nghị định 248/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 hướng dẫn Luật Thương mại điện tử (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)

Quyền và nghĩa vụ của các bên trên nền tảng thương mại điện tử từ ngày 01/7/2026

Theo đó, chủ quản nền tảng thương mại điện tử công khai quyền và nghĩa vụ của các bên, bảo đảm tuân thủ Luật Thương mại điện tử, Nghị định 248/2026/NĐ-CP và pháp luật có liên quan, bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:

- Quyền và nghĩa vụ của chủ quản nền tảng thương mại điện tử
- + Ban hành, công khai và tổ chức thực hiện điều kiện hoạt động, điều kiện giao dịch;
- + Xây dựng, công khai tiêu chuẩn dịch vụ, quy trình tham gia hoạt động trên nền tảng;
- + Thu phí dịch vụ theo chính sách về giá đã công khai;
- + Thông tin đầy đủ hoặc tóm tắt về hình thức khuyến mại được áp dụng cung cấp cho người mua trước khi đặt hàng;
- + Bảo đảm vận hành an toàn, ổn định nền tảng;
- + Quy định các trường hợp tạm ngừng, chấm dứt, hạn chế tài khoản người bán, người mua;
 - + Áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo đảm an toàn thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh của người sử dụng và thông tin cá nhân của người tiêu dùng;
- + Tiếp nhận, giải quyết yêu cầu, phản ánh, khiếu nại từ người sử dụng;
- + Giám sát, ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật; phối hợp và cung cấp thông tin, dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(Tiếp theo)

PHẦN IV: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP - ĐẦU TƯ

2. Nghị định 248/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 hướng dẫn Luật Thương mại điện tử (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 01/07/2026)

- Quyền và nghĩa vụ của người bán

- + Được đăng ký, duy trì, tạm ngừng, chấm dứt hoạt động bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; quyết định hàng hóa, dịch vụ, giá bán và chính sách khuyến mại theo quy định của pháp luật và thỏa thuận với chủ quản nền tảng;
- + Được sử dụng hạ tầng kỹ thuật, công cụ hỗ trợ của nền tảng; được tiếp cận dữ liệu liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh; được bảo đảm thanh toán đầy đủ, đúng hạn và được giải quyết yêu cầu, phản ánh, khiếu nại theo nguyên tắc công khai, minh bạch;
- + Cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ; bảo đảm chất lượng hàng hóa, dịch vụ; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao hàng, bảo hành, đổi trả, hoàn tiền; không lợi dụng nền tảng để kinh doanh ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và các hành vi vi phạm pháp luật khác;
- + Thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước; bảo vệ dữ liệu của người mua; bảo vệ thông tin của người tiêu dùng; phối hợp với chủ quản nền tảng và cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc xử lý vi phạm pháp luật.

- Quyền và nghĩa vụ của người mua

- + Được bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng; được cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác về hàng hóa, dịch vụ và người bán;
- + Được lựa chọn hàng hóa, dịch vụ, phương thức thanh toán và giao hàng; được bảo vệ dữ liệu cá nhân; được giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại theo quy định;
- + Cung cấp thông tin cần thiết, chính xác; thanh toán đầy đủ, đúng hạn;
- + Tuân thủ quy định pháp luật, điều kiện hoạt động và điều kiện giao dịch của nền tảng; không lợi dụng nền tảng để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Nghị định 248/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026, trừ trường hợp quy định chủ quản nền tảng thương mại điện tử có trách nhiệm thực hiện việc xác thực điện tử danh tính người bán và người livestream bán hàng kể từ ngày 01/01/2027.

(Tiếp theo)

PHẦN IV: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP - ĐẦU TƯ

3. Thông tư 32/2026/TT-NHNN ngày 30/06/2026 quy định về hoạt động cho vay để đầu tư ra nước ngoài của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 18/08/2026)

Điều kiện vay vốn để đầu tư ra nước ngoài

Theo đó, tổ chức tín dụng xem xét, quyết định cho vay để đầu tư ra nước ngoài khi khách hàng đáp ứng các điều kiện sau đây:

- (1) Khách hàng là pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật. Khách hàng là cá nhân từ đủ 18 tuổi trở lên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật và thuộc đối tượng được thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư.
- (2) Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài hoặc đã được xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định pháp luật về ngoại hối (đối với dự án không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài).
- (3) Hoạt động đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận đầu tư chấp nhận hoặc cấp phép. Trường hợp pháp luật của nước tiếp nhận đầu tư không quy định về việc cấp phép đầu tư hoặc chấp nhận đầu tư, nhà đầu tư phải có tài liệu chứng minh quyền hoạt động đầu tư tại nước tiếp nhận đầu tư.
- (4) Có dự án đầu tư ra nước ngoài được tổ chức tín dụng đánh giá là khả thi và khách hàng có khả năng trả nợ tổ chức tín dụng.
- (5) Không phát sinh nợ xấu trong 24 tháng liền kề trước thời điểm đề nghị vay vốn.

PHẦN IV: CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP - ĐẦU TƯ

3. Thông tư 32/2026/TT-NHNN ngày 30/06/2026 quy định về hoạt động cho vay để đầu tư ra nước ngoài của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành (Ngày ban hành 30/06/2026; Ngày có hiệu lực 18/08/2026)

Mức cho vay để đầu tư ra nước ngoài

Mức cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận trên cơ sở nhu cầu vay vốn, dự án đầu tư ra nước ngoài, khả năng tài chính của khách hàng, các giới hạn cấp tín dụng đối với khách hàng và khả năng nguồn vốn của tổ chức tín dụng.

Mức cam kết cho vay tối đa tại hợp đồng/thỏa thuận cho vay của một tổ chức tín dụng để thực hiện dự án đầu tư ra nước ngoài không vượt quá 70% vốn đầu tư ra nước ngoài của khách hàng tại dự án đó. Trường hợp khách hàng vay vốn tại nhiều tổ chức tín dụng để thực hiện cùng một dự án đầu tư ra nước ngoài, tổng mức cam kết cho vay tại hợp đồng/thỏa thuận cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng để thực hiện dự án không vượt quá 70% vốn đầu tư ra nước ngoài của khách hàng tại dự án đó.



www.trithucviet.com.vn



TỔNG KẾT

Tháng 07/2026 ghi nhận nhiều chính sách mới và quan trọng trong lĩnh vực thuế, hóa đơn điện tử, lao động – bảo hiểm và doanh nghiệp – đầu tư. Nổi bật là các quy định mới về quản lý thuế và xử lý nợ thuế, thuế thu nhập cá nhân, giao dịch liên kết, đăng ký thuế, hoàn thuế GTGT; mở rộng đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền; xử phạt vi phạm trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm; ưu đãi khi lựa chọn nhà đầu tư; quản lý hoạt động thương mại điện tử và cho vay đầu tư ra nước ngoài.

Lưu ý:

Bản tin này chỉ mang tính tham khảo doanh nghiệp hoặc cá nhân nên xem toàn văn và nếu cần nên hỏi ý kiến chuyên gia pháp lý để đảm bảo tuân thủ đúng thủ tục và biểu mẫu.

THÔNG TIN LIÊN HỆ



Hồ Chí Minh:

- Số 835A Đại lộ Bình Dương, Phường Chánh Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (0274) – 3856 219
Email: info@trithucviet.com.vn
- Lầu 3, Số 9 Phan Kế Bính, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) – 39118 830
Email: hcm@trithucviet.com.vn

Hà Nội:

- Số 15 Ngõ 2, Thọ Tháp, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
Email: hanoi@trithucviet.com.vn

Khánh hòa:

- 220 Trường chinh, Phường Ninh Chữ, Khánh Hòa
Hotline: 0918 757 239

Gia Lai:

- 123D Trần Hưng Đạo, Phường Quy Nhơn, Gia Lai
Hotline: 0935 003 125

